

Bản án số: 01 /2019/KDTM-ST

Ngày: 12 / 4 /2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí và ông Đặng Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Tiến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05/4/2019 và 12/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2018/TLST- KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2019/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; địa chỉ: Số M đường K, Phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Anh Tr - Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP A tại Quảng Bình (*Quyết định về việc ban hành Quy chế uỷ quyền ký kết, thực hiện các Hợp đồng dân sự, thương mại và tham gia tố tụng trước pháp luật của Ngân hàng TMCP A số: 4908/TCQĐ-PC.12 ngày 13/9/2012 của Ngân hàng TMCP A*). Ông Tr vắng mặt.

- Ông Nguyễn Anh Tr uỷ quyền lại cho bà Lê N – Chuyên viên pháp lý chứng từ Chi nhánh Ngân hàng TMCP A Quảng Bình tham gia tố tụng (*Giấy uỷ quyền số:19/UQ-QBI 19 ngày 06/3/2019*). Bà Lê N có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Xây lắp điện T; địa chỉ số: L đường Đ, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị T - Chủ Tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc Công ty. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Võ Thị T (Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH xây lắp điện T) và ông Trương Đình T (thành viên Công ty TNHH xây lắp điện T), đều có địa chỉ tại: Tiểu khu H, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2017, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Chi Nhánh Quảng Bình (Sau đây viết tắt là Ngân hàng A) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây lắp điện T (Sau đây viết tắt là Công ty T) đã ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số QBI.DN.17.310315 ngày 02 tháng 4 năm 2015 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số: QBI.DN.17.310315/SĐBS- 01 ngày 11 tháng 8 năm 2015, theo đó Ngân hàng A đã nhiều lần cấp tín dụng cho Công ty T vay để phục vụ hoạt động kinh doanh và Công ty T cũng đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A. Tuy nhiên, tại khế ước nhận nợ số 12 ngày 04/02/2016, Ngân hàng A đã giải ngân cho Công ty T vay số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu); thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 04/02/2016 đến ngày 04/8/2016; lãi suất 8.4%/năm; lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền lần đầu, lãi suất thay đổi 03 tháng/lần, theo công thức sau: Lãi suất vay = $LS13+3,1\%/năm$; lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn, nhưng Công ty T không thực hiện đúng cam kết trả nợ. Cụ thể tính đến ngày 07/10/2017 Công ty T còn nợ Ngân hàng A vốn gốc: 201.174.659 đồng (nợ lãi: 0, lãi quá hạn: 0, phạt chậm trả: 0, phí: 0). Vì vậy, Ngân hàng A đề nghị Tòa án buộc Công ty T phải trả tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 07/10/2017 là 201.174.659 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tính từ ngày 08/10/2017 đến ngày Công ty T trả dứt nợ. Đồng thời đề nghị Tòa án buộc bà Võ Thị T liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết cùng trả nợ ký ngày 02/4/2015.

Tại văn bản sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 02/08/2018, Ngân hàng A trình bày: Tính đến ngày 07/10/2017 Công ty T còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền 261.753.416 đồng (trong đó nợ gốc 201.174.659 đồng, lãi: 60.588.757 đồng. Ngân hàng A yêu cầu Tòa án buộc Công ty T phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền 261.753.416 đồng ở trên.

- Đối với bị đơn Công ty TNHH xây lắp điện T:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì Công ty T có địa chỉ tại: Số L đường Đ, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Công ty có 02 thành viên gồm bà Võ Thị T và ông Trương Đình T; người đại diện theo pháp luật của Công ty T là bà Võ Thị T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty.

Theo thông tin tại Công văn số: 5642B/A72-P3 ngày 11/5/2018 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh thì bà Võ Thị T được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu số B8935677 ngày 14/4/2014, đã xuất cảnh ngày 07/6/2016 qua cửa khẩu sân bay Đà Nẵng. Hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh về nước.

- Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Trương Đình T:

Ông Trương Đình T (chồng của bà Võ Thị T - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty T) là thành viên của Công ty T, có hộ khẩu thường trú tại Tiểu khu H, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Sau khi thụ lý vụ án, cán bộ Tòa án cùng với Tổ trưởng Tổ dân phố đã đến nhà giao giấy triệu tập cho ông T nhiều lần nhưng không gặp được ông T. Tòa án đã niêm yết giấy triệu tập và văn bản tố tụng tại nhà ở của ông T và tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường P nhiều lần nhưng ông Trương Đình T vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ kiện.

**** Tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng A đề nghị Tòa án buộc Công ty T có nghĩa vụ thanh toán hết các khoản nợ vay theo khế ước nhận nợ ngày 04/02/2016, thời gian tính đến ngày 05/4/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) với tổng số tiền nợ là 314.984.591 đồng, trong đó nợ vốn gốc 201.174.659 đồng, nợ lãi trong hạn: 5.763.334 đồng, nợ lãi quá hạn 108.046.598 đồng (có bản thông tin chi tiết kèm theo). Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Tòa án buộc bà Võ Thị T phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ trên thay cho Công ty T.

Do nguyên đơn – Ngân hàng A chưa cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, trên cơ sở đề nghị của nguyên đơn, Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa đến ngày 12/4/2019 để nguyên đơn bổ sung tài liệu, chứng cứ. Tại phiên tòa ngày 12/4/2019, đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng A đề nghị Tòa án buộc Công ty T trả nợ, lãi tính đến ngày 12/4/2019 số tiền 318.352.832 đồng, trong đó nợ vốn gốc 201.174.659 đồng, nợ lãi trong hạn 5.763.334 đồng và nợ lãi quá hạn 111.414.839 đồng (có bản thông tin chi tiết kèm theo).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý:

+ Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty T (trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì buộc bà Võ Thị T) phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền tính đến ngày 12/4/2019 là 318.352.832

đồng, trong đó nợ gốc 201.174.659 đồng, nợ lãi trong hạn 5.763.334 đồng và nợ lãi quá hạn 111.414.839 đồng, và lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất tại hợp đồng tín dụng cho đến ngày trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo đúng địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, tuy nhiên do người đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Võ Thị T đã xuất cảnh ra nước ngoài nên việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án không có kết quả. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi ở và tại địa phương nơi bà T cư trú, đồng thời đã thông báo cho bà T biết việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án trên Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia - Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5) trong 03 số liên tiếp nhưng vẫn không nhận được thông tin gì từ bà T.

Đối với ông Trương Đình T đang có mặt tại địa phương, tuy nhiên Tòa án và Tổ trưởng Tổ dân phố đến nơi ở của ông T nhiều lần để giao các văn bản tố tụng nhưng không gặp được ông T, nên Tòa án phải tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Việc người đại diện theo pháp luật của Công ty T (bà Võ Thị T) và thành viên Công ty (ông Trương Đình T) thay đổi địa chỉ nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng A - Chi nhánh Quảng Bình biết địa chỉ nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 và điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã mở phiên toà lần thứ nhất vào ngày 07/3/2019 nhưng do đại diện theo pháp luật của bị đơn (bà Võ Thị T) và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông Trương Đình T) vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên toà. Sau khi hoãn phiên toà, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập đương sự tại nơi ở của bà T (nơi ở trước khi bà T xuất cảnh), ông T và tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường P để thông báo cho ông T, bà T biết thời gian, địa điểm mở lại phiên toà lần hai. Tuy nhiên, tại phiên toà lần hai thì đại diện theo pháp luật của bị đơn (bà T) và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông T) vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị T và ông Trương Đình T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được kiểm tra tại phiên toà, có cơ sở để khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2015 đến tháng 8/2015,

Ngân hàng A - Chi nhánh Quảng Bình và Công ty T đã ký kết hai hợp đồng tín dụng (Hợp đồng số QBI.DN.17.310315 ngày 02/4/2015 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số: QBI.DN.17.310315/SDBS- 01 ngày 11/8/2015). Để tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết, ngày 04/02/2016, Ngân hàng A - Chi nhánh Quảng Bình đã giải ngân cho Công ty T vay số tiền 350.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 06 tháng (từ 04/02/2016 đến 04/8/2016); lãi suất 8.4%/năm; lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền lần đầu, lãi suất thay đổi 03 tháng/lần, theo công thức sau: Lãi suất vay = $LS13 + 3,1\%/năm$; lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Việc các bên ký kết hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện; nội dung và hình thức của hợp đồng tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T không thực hiện đúng cam kết trả nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng và trong khế ước nhận nợ nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Công Ty T thực hiện nghĩa vụ trả nợ, lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn) là có căn cứ, được chấp nhận.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12/4/2019) Công ty T còn nợ Ngân hàng A - Chi nhánh Quảng Bình số tiền 318.352.832 đồng, trong đó nợ vốn gốc 201.174.659 đồng, nợ lãi trong hạn 5.763.334 đồng và nợ lãi quá hạn 111.414.839 đồng (có bản thông tin chi tiết kèm theo). Nên buộc Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán tất cả các khoản nợ trên cho Ngân hàng A - Chi nhánh Quảng Bình.

[3]. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Võ Thị T (người đại diện theo pháp luật của Công ty T) đã ký thư bảo lãnh cho bên được bảo lãnh là Công ty T, theo đó bà Võ Thị T có trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bên được bảo lãnh (Công ty T) với Ngân hàng A trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

Xét thấy việc bà Võ Thị T ký thư bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Hiện tại Ngân hàng A khởi kiện hợp đồng tín dụng mà không khởi kiện hợp đồng bảo lãnh. Vì vậy, sau khi Tòa tuyên án, trong trường hợp Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì bà Võ Thị T phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền mà Công ty T còn nợ Ngân hàng A.

[4] Về án phí: Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 474, 477, 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 280, 335, 336, 339, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 306 Luật thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Buộc Công ty TNHH Xây lắp điện T phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền **318.352.832 đồng**, trong đó nợ vốn gốc 201.174.659 đồng, nợ lãi trong hạn 5.763.334 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12/4/2019) là 111.414.839 đồng.

Trường hợp Công ty TNHH Xây lắp điện T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì buộc bà Võ Thị T phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, chịu trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH Xây lắp điện T toàn bộ số nợ mà Công ty TNHH Xây lắp điện T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (12/4/2019) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Xây lắp điện T phải chịu 15.917.641 đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 5.029.366 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số: AA/2017/0000098 ngày 25/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn Công ty TNHH xây lắp điện T và bà Võ Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng

kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ tại địa phương; ông Trương Đình T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS TP Đ;
- Lưu: Tòa dân sự, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ